**TUẦN 12** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VUA TÀU THỦY BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được ND: Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh nổi tiếng (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Thái độ**

- GD HS tinh thần vượt khó trong học tập và cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 115, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 2 HS thực hiện | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc lại bài *Có chí thì nên* và nêu ý nghĩa của một số câu tục ngữ.  - GV nhận xét, dẫn vào bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: Bưởi mồ côi … đến ăn học.  + Đoạn 2: Năm 21 tuổi ...không nản chí.  + Đoạn 3: Bạch Thái Bưởi … đến Trưng Nhị.  + Đoạn 4: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*quẩy, nản chí, diễn thuyết, mua xưởng, sửa chữa, kĩ sư, lịch sự,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: chậm rãi, giọng kể chuyện ở đoạn, 2 thể hiện hoàn cảnh và ý chí của Bạch Thái Bưởi. Đoạn 3 đọc nhanh thể hiện Bạch Thái Bưởi cạnh tranh và chiến thắng các chủ tàu nước ngoài. Đoạn 4 đọc với giọng sảng khoái thể hiện sự thành đạt của Bạch Thái Bưởi.  \*Nhấn giọng những từ ngữ: *mồ côi, đủ mọi nghề, trắng tay, không nản chí, độc chiếm, thịnh vượng, ba mươi, bậc anh hùng, …*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bạch Thái Bưởi mồ côi cha từ nhỏ, phải theo mẹ quẩy gánh hàng rong. Sau khi được họ Bạch nhận làm con nuôi, đổi học Bạch và cho ăn học.*  *+ Năm 21 tuổi ông làm thư kí cho một hãng buôn, sau buôn gỗ, buôn ngô, mở hiệu cầm đồ, lập nhà in, khai thác mỏ,*  *+ Chi tiết: Có lúc mất trắng tay nhưng Bưởi không nản chí.*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào lúc những con tàu của người Hoa đã độc chiếm các đường sông của miền Bắc.*  *+ Bạch Thái Bưởi đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Việt: cho người đến các bến tàu để diễn thuyết kêu gọi khách hàng với khẩu hiệu “Người ta thì đi tàu ta”. Khách đi tàu của ông ngày một đông. Nhiều chủ tàu người Hoa, người Pháp phải bán lại tàu cho ông, rồi ông mua xưởng sửa chữa tàu, kĩ sư giỏi* *trông nom.*  *- VD:Là những người dành được những thắng lợi to lớn trong kinh doanh.*  *+ Là những người đã chiến thắng trong thương trường.*  *+ Là người lập nên những thành tích phi thường trong kinh doanh.*  *+ Là những người kinh doanh giỏi, mang lại lợi ích kinh tế cho quốc gia, dân tộc…*  *- Bạch Thái Bưởi thành công nhờ ý chí, nghị lực, có chí trong kinh doanh: biết khơi dậy lòng tự hào của khách người Việt Nam, ủng hộ chủ tàu VN;giúp kinh tế Việt Nam phát triển: Bạch Thái Bưởi là người có đầu óc, biết tổ chức công việc kinh doanh.*  ***Ý nghĩa*: Bài văn ca ngợi Bạch Thái Bưởi từ một câu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực, có ý chí vươn lên để trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.**  - HS ghi lại ý nghĩa của bài | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Bạch Thái Bưởi xuất thân như thế nào?*  *+ Trước khi mở công ti vận tải đường thuỷ Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+ Những chi tiết nào chứng tỏ ông là một người có chí?*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào thời điểm nào?*  *+ Bạch Thái Bưởi đã làm gì để cạnh tranh ngang sức với chủ tàu người nước ngoài?*  *+ Em hiểu thế nào là vị anh hùng kinh tế?(*\* HS M3+M4 trả lời)  *+ Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công?*  *+ Bài văn ca ngợi ai?* |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nêu các tấm gương nghị lực mà em biết trong cuộc sống hàng ngày. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì từ Bạch Thái Bưởi?  - Liên hệ giáo dục: ý chí nghị lưc vươn lên.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 56*: NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT TỔNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng tính chất để giải được các bài tập.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 2 a) 1 ý, b) 1 ý; bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - HS tham gia chơi  - Nêu MQH giữa các đơn vị đo diện tích đã học | **1. Khởi động:** *(5p)*  Trò chơi: **Xì điện**  - GV phổ biến luật chơi, cách chơi  1m2 = ............dm2  100dm2 = .....m2  400dm2 = ........m2  2110m2 = ........dm2  15m2 = ......cm2  10000cm2 =.........m2  - GV giới thiệu vào bài | |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được cách thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ lớp  4 x (3 + 5) = 4 x 8 = 32  4 x 3 + 4 x 5 = 12 + 20 = 32  *+ Giá trị của 2 bt trên bằng nhau.*  - HS nêu lại  *+ là nhân một số với một tổng*.  *+ Tích 4 x 3 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với một số hạng của tổng, tích thứ hai 4 x 5 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số hạng còn lại của tổng.*  *+ Lấy số đó nhân với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả lại với nhau.*  **+ a x (b + c) = a x b + a x c**  + HS phát biểu quy tắc. | *\* Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức*:  - GV viết lên bảng 2 biểu thức:  4 x (3 + 5) và 4 x 3 + 4 x 5  - Yêu cầu HS tính giá trị của 2 biểu thức trên  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy ta có:  4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  *+ Biểu thức: 4 x (3 + 5) có đặc điểm gì?*  *+ Biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 có đặc điểm gì?*  ***GV: Như vậy biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 chính là tổng của các tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với các số hạng của tổng.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc?* | |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết thực hiện nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Hs nêu yêu cầu của bài  - HS thực hiện theo cặp đôi- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b + c) | a x b + a x c | | 4 | 5 | 2 | 4 x (5 + 2) = 28 | 4 x 5 + 4 x 2 = 28 | | 3 | 4 | 5 | 3 x (4 + 5) = 27 | 3 x 4 + 3 x 5 = 27 | | 6 | 2 | 3 | 6 x (2 + 3) = 30 | 6 x 2 + 6 x 3 = 30 |   - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Ta phải áp dụng quy tắc một số nhân với một tổng.*  Đ/a:  a. 36 x (7 + 3) 36 x 7 + 36 x 3  = 36 x 10 = 252 + 108  = 360 = 360  b. 5 x 38 + 5 x 62 5 x 38 + 5 x 62  = 190 + 310 = 5 x (38 + 62)  = 500 = 5 x 100 = 500  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - Cả lớp làm bài vào vở - Đổi chéo kiểm tra  Đ/a: (3 + 5) x 4 và 3 x 4 + 5 x 4  = 8 x 4 = 12 + 20  = 32 = 32  *+ Giá trị của 2 biểu thức bằng nhau.*  *+ Có dạng một tổng nhân với một số.*  *+ Là tổng của 2 tích.*  *+ Có thể lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kết quả lại với nhau*  - HS làm bài vào vở Tự học  VD: 26 x 11 = 26 x (10+1)  = 26 x 10 + 26 x 1  = 260 + 26 = 286  *+ Một số nhân với 1 tổng*  - Ghi nhớ tính chất 1 số nhân với 1 tổng, 1 tổng nhân với 1 số  BT PTNL: Tính giá trị của biểu thức sau bằng cách thuận tiện:  a. 159 x 54 + 159 x 46  b. 12 x 5 + 3 x 12 + 12 x 2  c. 2 x 5 + 4 x 5 + 6 x 5 + 8 x 5 | | Bài 1: Tính giá trị của. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  \* Chú ý hs M1+M2 biết cách thực hiện  - GV chốt đáp án.  ***Bài 2:***  \* HS M1+M2 thực hiện a – ý 1, b – ý 1  \*HSNK có thể hoàn thành tất cả bài  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Để tính giá trị của biểu thức theo 2 cách ta làm thế nào?*  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách nhân một số với một tổng.  ***Bài 3:*** Tính giá trị biểu thức.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Giá trị của 2 biểu thức như thế nào với nhau?*  *+ Biểu thức thứ nhất có dạng như thế nào?*  *+ Biểu thức thứ hai có dạng như thế nào?*  *+ Vậy khi thực hiện nhân một tổng với một số, ta có thể làm thế nào?*  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 4: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Vận dụng tính chất gì để giải BT4?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**SƠ ĐỒ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Hoàn thành và mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên: chỉ vào sơ đồ và nói về sự bay hơi, ngưng tụ của nước trong tự nhiên.

**3. Thái độ**

- Biết cách sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm TNTN..

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\*****BVMT****: Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Hình minh hoạ trang 48, 49 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Các tấm thẻ ghi:

Hơi nước Mưa Mây

- HS: chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Hơi nước bay lên cao, gặp lạnh. . .* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Hoàn thành sơ dồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và mô tả được vòng tuần hoàn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**    - HS vừa trình bày vừa chỉ vào sơ đồ.  *1)+ Dòng sông nhỏ chảy ra sông lớn, biển.*  *+ Hai bên bờ sông có làng mạc, cánh đồng.*  *+ Các đám mây đen và mây trắng.*  *+ Những giọt mưa từ đám mây đen rơi xuống đỉnh núi và chân núi. Nước từ đó chảy ra suối, sông, biển.*  *+ Các mũi tên.*  *2) Bay hơi, ngưng tụ của nước.*  *3) Nước từ suối, làng mạc chảy ra sông, biển. Nước bay hơi biến thành hơi nước. Hơi nước liên kết với nhau tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . .* .  - Lắng nghe  **Nhóm 2 –Lớp**  - HS hoàn thành sơ đồ  Mây đen Mây trắng    Mưa Hơi nước    Nước  + Giữ sạch bầu khống khí  + Không vứt rác bừa bãi  + Sử dụng hợp lí thuốc trừ sâu và phân hoá học,....  - Nêu ứng dụng thiết thực của vòng tuần hoàn nước trong cuộc sống | **Hoạt động 1: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên:**  - Yêu cầu HS quan sát hình 48 / SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi:  *1) Những hình nào được vẽ trong sơ đồ?*    *2) Sơ đồ trên mô tả hiện tượng gì?*  *3) Hãy mô tả lại hiện tượng đó?*  - Giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn,  ***\* GV: Nước đọng ở ao, hồ, sông, suối, biển, không ngừng bay hơi, biến thành hơi nước. Hơi nước bay lên cao, ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ, tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . . .***  **Hoạt động 2: Em vẽ: “Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”.**  - GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.  - GV giúp đỡ các em gặp khó khăn.  - Gọi HS lên trình bày.  - GV nhận xét, khen các nhóm vẽ đẹp, đúng, có ý tưởng hay.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - GDBVMT: Nước trong tự nhiên tạo thành 1 vòng tròn khép kín. Do vậy, để có nước mưa sạch thì chúng ta cần làm thế nào?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI CHIẾN SĨ GIÀU NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a phân biệt ch/tr.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Giáo dục đức tính kiên trì qua hình ảnh nhân vật Ngu Công

*\* GDQPAN: Ca ngợi tinh thần vượt mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ của các chú bộ đội và công an*

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về hoạ sĩ Lê Duy Ứng.*  *+ Viết về Lê Duy Ứng đã vẽ bức chân dung Bác Hồ bằng máu chảy từ đôi mắt bị thương của anh*.  - HS lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: chiến đấu, quệt máu chảy, chân dung, triển lãm, trân trọng*  - Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn trong SGK.  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Câu chuyện có điều gì cảm động?*  - Liên hệ giáo dục QPAN: Hoạ sĩ Lê Duy Ứng cũng giống như những người chiến sĩ khác không quản, khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành n/v. Chúng ta cần trân trọng và biết ơn những con người như thế.  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Lưu ý các từ ngữ: *tháng 4 năm 1975, 30 triển lãm, 5 giải thưởng* viết bằng số và các từ *Sài Gòn, Lê Duy Ứng, Bác Hồ* là danh từ riêng cần phải viết hoa |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Lời giải: **Tr**ung Quốc, **ch**ín mươi tuổi, hai **tr**ái núi, **ch**ắn ngang, **ch**ê cười, **ch**ết, **ch**áu, **ch**ắt, **tr**uyền nhau, **ch**ẳng thể, **tr**ời, **tr**ái núi.  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Viết 5 tiếng, từ chứa ch/tr  - Tìm các từ láy chứa ch/tr | **Bài 2a:** ch/tr?  ***- Giáo dục HS nghị lực và kiên trì như nhân vật Ngu Công trong câu chuyện***  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 57:* NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT HIỆU**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến phép nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1, trang 67, SGK.

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV chuyển ý vào bài mới | | |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS cả lớp làm bài vào nháp- Chia sẻ nhóm 2  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  = 3 x 2 = 21 – 15  = 6 = 6  *+ Bằng nhau.*  *+Là nhân một số với một hiệu*  *+ Tích 3 x 7 chính là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số bị trừ của hiệu. Tích thứ hai 3 x 5 cũng là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số trừ của hiệu.*  *+ Có thể lần lượt nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ 2 kết quả cho nhau.*  **a x (b - c) = a x b - a x c**  -HS phát biểu qui tắc.  - Lấy VD minh hoạ | ***a. Tính và so sánh giá trị của 2 biểu thức***  ***+*** GV ghibảng 2 biểu thức:  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  - Y/c tính giá trị của 2 biểu thức trên.  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy 4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  + *Biểu thức: 4 x (3 - 5) có dạng gì?*  *+ Tích 3 x 7 và 3 x 5 có mối liên hệ gì với biểu thức ban đầu?*  ***GV: Như vậy biểu thức chính là hiệu của tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với số bị trừ của hiệu trừ đi tích của số này với số trừ của hiệu.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc nhân một số với một hiệu.* | | |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | | | |
| - Thực hiện theo YC của GV.  -HS thực hiện cặp đôi- Chia sẻ lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b – c) | a x b – a x c | | 3 | 7 | 3 | 3 x (7 – 3)  = 12 | 3 x 7 – 3 x 3  = 12 | | 6 | 9 | 5 | 6 x (9 – 5)  = 24 | 6 x 9 – 6 x 5  = 24 | | 8 | 5 | 2 | 8 x (5 – 2)  = 24 | 8 x 5 – 8 x 2  = 24 |   - HS phát biểu  - 1 HS đọc đề bài  - Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Bài giải  Số giá để trứng còn lại sau khi bán là  40- 10 = 30 (giá)  Số quả trứng còn lại là:  175 x 30 = 5250 (quả)  Đáp số: 5 250 quả.  - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  (7 – 5) x 3 và 7 x 3 – 5 x 3  = 2 x 3 = 21 – 15  = 6 = 6  - Phát hiện quy tắc nhân 1 hiệu với 1 số  - HS làm vào vở Tự học  VD: 26 x 9 = 26 x (10 – 1)  = 26 x 10 – 26 x 1  = 260 - 26 = 234  - Ghi nhớ cách nhân 1 số với 1 hiệu, 1 hiệu với 1 số  - Vận dụng giải bài tập 3 theo cách khác ngắn gọn hơn | | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  - GV chốt đáp án.  *+ Muốn nhân một số với 1 hiệu ta làm thế nào?*  ***Bài 3***:  - GV nhận xét, đánh giá một số bài của HS  ***Bài 4:*** Tính và so sánh. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố quy tắc nhân một hiệu với một số.  **Bài 2 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách nhân một số với 1 hiệu  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Chùa thỜi LÝ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.

+ Nhiều vua nhà Lý theo đạo Phật.

+ Thời Lý, chùa được xây dựng ở nhiều nơi.

+ Nhiều nhà sư được giữ cương vị quan trọng trong triều đình.

**2. Kĩ năng**

- Hs nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương

**3. Thái độ**

- Hs có thái độ yêu quê hương, đất nước, biết quý trọng những công trình kiến trúc lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\* GD BVMT: Vẻ đẹp của chùa, BVMT về ý thức trân trọng di sản văn hóa của cha ông, có thái độ, hành vi giữ gìn sự sạch sẽ của cảnh quan môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Ảnh chụp phóng to chùa Dâu, chùa Một Cột, tượng phật A- di –đà

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, tranh ảnh sưu tầm các công trình kiến trúc thời Lý.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Muốn cho con cháu đời sau được ấm no hạnh phúc. . .*  *+ Long Đỗ, Tống Bình, Đông Kinh, Đông Đô, Đại La, Hà Nội*. | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Vì sao Lý Thái Tổ chọn vùng đất Đại La làm kinh đô?*  *+ Em biết Thăng Long còn có những tên gọi nào khác nữa?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.. Nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc.  - Dựa vào nội dung SGK, HS thảo luận và đi đến thống nhất: Nhiều vua đã từng theo đạo Phật. Nhân dân theo đạo Phật rất đông. Kinh thành Thăng Long và các làng xã có rất nhiều chùa.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và điền dấu X vào ô trống.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho hoàn chỉnh.  **Cá nhân – Lớp**  - Vài HS mô tả (kết hợp quan sát tranh)  - HS khác nhận xét.  - HS đọc bài học.  - HS liên hệ ý thức giữ gìn bảo vệ đình chùa, các công trinh văn hoá  - HS mô tả bằng lời hoặc bằng tranh ngôi chùa mà em biết (chùa làng em hoặc ngôi chùa mà em đã đến tham quan). | \***HĐ1: . Đạo Phật dưới thời Lý.**  - GV cho HS đọc SGK từ “Đạo phật …. . ....rất thịnh đạt. ”  *+ Vì sao nói: “Đến thời Lý, đạo Phật trở nên thịnh đạt nhất?”*  **- GV: *Đạo Phật có nguồn gốc từ Ấn Độ, đạo phật du nhập vào nước ta từ thời phong kién phương Bắc đô hộ. Vì giáo lí của đạo Phật có nhiều điểm phù hợp với cách nghĩ, lối sống của nhân dân ta nên sớm được nhân dân tiếp nhận và tin theo.***  **Hoạt động 2: Vai trò của chùa thời Lý.**  - GV phát phiếu học tập cho HS  - GV đưa ra một số ý phản ánh vai trò, tác dụng của chùa dưới thời nhà Lý. Qua đọc SGK và vận dụng hiểu biết của bản thân, HS điền dấu x vào ô trống sau những ý đúng:  a. Chùa là nơi tu hành của các nhà sư □  b. Chùa là nơi tổ chức tế lễ của đạo phật □  c. Chùa là trung tâm văn hóa của làng xã □  d. Chùa là nơi tổ chức văn nghệ □  - GV nhận xét, Kết luận: Đáp án: a, b, c làđúng.  **Hoạt động 3: Mô tả kiến trúc một số chùa**  - GV đưa hình ảnh chùa Keo, chùa Một Cột, tượng Phật A- di- đà (có ảnh phóng to) và khẳng định chùa là một công trình kiến trúc đẹp.  - GV nhận xét và Kết luận.    **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Chùa thời Lý là một trong những đóng góp của thời đại đối với nền văn hóa, kiến trúc, điêu khắc của dân tộc Việt Nam. Trình độ xây dựng chùa chiền đó phản ánh sự phát triển của dân tộc về mọi phương diện. Chúng ta có quyền tự hào về điều đó.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng chí) theo hai nhóm nghĩa (BT1); hiểu nghĩa từ nghị lực (BT2); điền đúng một số từ (nói về ý chí, nghị lực) vào chỗ trống trong đoạn văn (BT3); hiểu ý nghĩa chung của một số câu tục ngữ theo chủ điểm đã học (BT4).

**2. Kĩ năng**

- HS biết tìm những từ Hán Việt nói về ý chí nghị lực, hiểu một số câu thành ngữ, tục ngữ.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết nội dung bài tập 3, 4.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS lấy VD và đặt câu | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Thế nào là tính từ, cho ví dụ. Đặt câu với VD vừa tìm được?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt theo hai nhóm nghĩa, hiểu nghĩa từ nghị lực.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - Hs thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trước lớp  Đ/á:   |  |  | | --- | --- | | **Chí** có nghĩa là rất, hết sức (biểu thị mức độ cao nhất) | *Chí phải, chí lý,*  *chí thân, chí tình,*  *chí công.* | | **Chí** có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp. | *ý chí, chí khí,*  *chí hướng, quyết*  *chí.* |   **Cá nhân- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/á:  + Dòng b (Sức mạnh tinh thần làm cho con người kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước mọi khó khăn) là đúng nghĩa của từ nghị lực.  ***+*** *Là....kiên trì*  *+Là .... kiên cố****.***  *+ Là nghĩa của từ chí tình, chí nghĩa.*  -HS đặt câu.  - Nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - Làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/á:  + Thứ tự từ cần điền: **Nghị lực, nản chí, quyết tâm, kiên nhẫn, quyết chí, nguyện vọng.**  - 1 HS đọc thành tiếng.  **Cá nhân- Lớp**  Đ/á:  a. ***Thử lửa vàng, gian nan thử sức****.* Khuyên người ta đừng sợ vất vả, gian nan. Gian nan, vất vả thử thách con người, giúp con người được vững vàng, cứng cỏi hơn.  *b.* ***Nước lã mà* *vã nên hồ***  ***Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan:*** Khuyên người đừng sợ bắt đầu từ hai bàn tay trắng. Những người từ tay trắng mà làm nên sự nghiệp càng đáng kính trọng, khâm phục.  c. ***Có vất vả mới thanh nhàn***  ***Không dưng ai dễ cầm tàn che cho:*** Khuyên người ta phải vất vả mới có lúc thanh nhàn, có ngày thành đạt  - Ghi nhớ các từ thuộc chủ điểm  BT PTNL: Chọn các từ ngữ trong ngoặc đơn (quyết tâm, ý chí, bài học) điền vào chố trống:  Câu chuyện Ngu Công dời núi cho người đọc một........về .....của con người. Chín mươi tuổi, Ngu Công còn.....đào núi đổ đi để lấy đường vào nhà mình. | **Bài 1: *Bài 1:*** Xếp các từ có tiếng chí sau đây vào hai nhóm. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV phát phiếu học tập  - Kết luận, chốt đáp án.  \* Chú ý quan tâm hs M1+M2    - Yêu cầu đặt câu với 1 từ vừa xếp  *+ Ngoài ra, em còn biết những từ có chứa tiếng "chí" nào khác?*  ***Bài 2***:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  -GV giúp HS hiểu thêm các nghĩa của câu a, c, d.  *+ Làm việc liên tục, bền bỉ là nghĩa của từ nào?*  *+ Chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ là nghĩa của từ nào?*  *+ Có tình cảm rất chân tình sâu sắc là nghĩa của từ nào?*  \*HS M3+M4: Đặt câu với các từ : *nghị lực, kiên trì, kiên cố, chí tình*  ***Bài 3:***  Em chọn từ nào trong ngoặc đơn...  - GV treo bảng phụ ghi ND bài 3 lên bảng.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở.  - Gọi HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh.  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gv giúp HS hiểu nghĩa đen của các câu tục ngữ (theo SGV)  - Giáo dục HS ý chí, nghị lực vươn lên  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 58:* LUYỆN TẬP (tr. 68)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập về các kiến thức liên quan đến phép nhân

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1), bài 2: a; b (dòng 1), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Lớp.**  - Thực hiện theo YC của GV.  - Làm cá nhân- Chia sẻ lớp.  Đ/a:  a. 135 x (20 + 3)  = 135 x 20 + 135 x 3  = 2700 + 405  = 3105  b. 642 x (30 – 6)  = 642 x 30 – 642 x 6  = 19260 - 3852  = 15 408  - Cá nhân- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  134 x 4 x 5 = 134 x (4 x 5)  = 135 x 20  = 2700  5 x 36 x 2 =(5 x 2) x 36  = 10 x 36  = 360  42 x 2 x 7 x 5= (42 x 7) x (2 x 5)  = 294 x 10  = 2940  *+ Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để tính thuận tiện.*  - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/a:  137 x 3 + 137 x 97 = 137 x (3 + 97)  = 137 x 100  = 13700  428 x 12 – 428 x 2= 428 x (12 – 2)  = 428 x 10  = 4280  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - HS làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Chiều rộng của sân vận động là  180: 2 = 90 (m)  Chu vi của sân vận động là  (180 + 90) x 2 = 540 (m)  Đáp số: 540 m.  **\*S = 180 x 90 = 16200 (m2)**  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ cách làm dưới lớp  VD: 217 x 11 = 217 x (10 + 1)  = 217 x 10 + 217 x 1  = 2170 + 217 = 2387  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***\*Bài 1: dòng 1 (HSNK hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách nhân một số với một tổng (hiệu)  ***Bài 2:(a,b dòng 1) HSNK hoàn thành cả bài***  ***a.*** Tính bằng cách thuận tiên nhất  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Áp dụng tính chất gì để chúng ta tính được cách thuận tiện?*  - Củng cố cách tính thuận tiện.  **b,**  - GV hướng dẫn bài tập mẫu.  - GV yêu cầu HS làm theo nhóm,  - GV chốt đáp án.  ***Bài 4***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Lưu ý hs M3+M4 có thể hoàn thành cả bài. (tính diện tích)  **Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố tính chất nhân 1 số với 1 tổng  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**HIẾU THẢOVỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.

**2. Kĩ năng**

- Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng hiếu thảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS:*** *-Xác định giá trị tình cảm của ông bà, cha mẹ dành cho con cháu*

*-Lắng nghe lời dạy của ông bà cha mẹ*

*-Thể hiện tình cảm yêu thương của mình với ông bà, cha mẹ*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Máy vi tính, máy chiếu.

+ Thẻ chữ A, B, C, D.

+Thẻ mặt cười, mặt mếu.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)* |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - Theo dõi  - Trả lời theo ý hiểu. Ví dụ:  *+ Cha mẹ rất yêu thương con.*  *+ Cha mẹ là người luôn gần gũi, chăm sóc con.*  *+ Cha mẹ luôn che chở cho con*.  - Lắng nghe  *+ Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.*  - HS đọc tên bài.  *+ Quan sát, trả lời: Một người bà, một người cháu đang trò chuyện rất thân mật. Phía trên tường có treo một bàn thờ,....*  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS lắng nghe,  - HS làm việc theo nhóm 4: kể lại câu chuyện (có thể minh hoạ.)  - 1 nhóm lên kể chuyện, HS theo dõi, chuẩn bị câu hỏi để hỏi nhóm kể chuyện.  - Thực hành hỏi - đáp. VD:  *+…. cảm thấy rất vui.*  *+… rất yêu quý bà, muốn cho bà vui, khoẻ…*  *+ Hưng rất yêu quý bà, biết quan tâm, chăm sóc bà.*  *+ Chúng ta phải yêu quý, kính trọng, quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ vì ông bà, cha mẹ là những người đã có công sinh thành ra chúng ta, nuôi dưỡng và chăm sóc cho chúng ta…*  *+ Hs nêu:*  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*  *+ HS nêu: Công cha, nghĩa mẹ rất to lớn, chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ.*  - HS nghe, 3 – 4 em đọc lại phần Ghi nhớ:    - HS tìm và nêu. | **a. Giới thiệu bài:**  - Chiếu cho HS xem clip bài hát: Cho con (Phạm Trọng Cầu).  *+ Nội dung của bài hát là gì?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người luôn gần gũi và yêu thương chúng ta nhất. Tình yêu thương của ông bà, cha mẹ dành cho chúng ta không gì có thể sánh nổi***  *+ Vậy theo các em, chúng ta cần thể hiện hành động như thế nào với ông bà, cha mẹ?*  ***- GV: Những hành động như thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và chúng ta cần làm gì để thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ? Chúng ta cùng học bài: Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  **b. Các hoạt động:**  **\*Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện: Phần thưởng.**  - Gv chiếu tranh, hỏi: *Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  - Nhận xét, nêu: 2 nhân vật trong tranh là Hưng và bà của Hưng. Ông của Hưng mới mất nên bà rất buồn. Hưng đã cố gắng động viên, an ủi, chăm sóc bà để bà đỡ buồn. Câu chuyện như sau…  - GV kể chuyện  - Tổ chức cho HS hỏi – đáp: VD:  *+ Khi nhập vai bà, bạn cảm thấy thế nào khi nhận được gói bánh?*  *+ Khi nhập vai Hưng, tại sao bạn lại biếu bà gói bánh?*  *+ Em có nhận xét gì về việc làm của bạn Hưng?*  *+ Qua câu chuyện của bạn Hưng, em thấy chúng ta cần phải đối xử với ông bà, cha mẹ như thế nào? Vì sao?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người đã sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta nên người. Vì vậy, chúng ta phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  *+ Em biết những bài ca dao nào khuyên răn chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng với ông bà, cha mẹ?*  *+ Em hiểu nghĩa bài thơ như thế nào?*  - GV nhận xét, kết luận phần bài học.  - Cho HS tìm thêm một số câu ca dao, tục ngữ khuyên răn con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. |
| **3. Hoạt động thực hành:** *(15p)*  **\*Mục tiêu:** Hiểu thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Nhận biết được hành vi đúng/ sai liên quan đến bài học  **\* Cách tiến hành:** | |  |
| - 1 HS đọc  - Làm việc cá nhân  - Giơ thẻ:  + Mặt cười với các trường hợp sau: b; d; đ  + Mặt mếu với trường hợp:a; c  - HS giải thích. VD:  a) Sai vì Sinh không biết chăm sóc mẹ lúc mẹ bị ốm lại còn đòi đi chơi.  b) Đúng vì Loan đã biết chăm sóc mẹ khi mẹ đi làm về mệt.  c) Sai vì bố đang mệt, Hoàng không nên đòi bố quà.  d) Đúng vì Hoà đã biết quan tâm đến sở thích của ông.  đ) Đúng vì Nhâm đã biết chăm sóc bà lúc bà bị ốm.  - HS nhắc lại (1-2 em)  *+ … là quan tâm tới ông bà, cha mẹ, chăm sóc lúc ông bà, cha mẹ bị mệt, ốm, làm giúp ông bà, cha mẹ những công việc phù hợp.*  *+ …nấu cơm, trông em, quét dọn nhà cửa…*  - HS nêu.  *+ …để ông bà, cha mẹ vui lòng, yên tâm công tác*.  *+ Không nên đòi hỏi ông bà, cha mẹ khi ông bà, cha mẹ bận, mệt, những việc không phù hợp (mua đồ chơi…)*  + HS kể.  - Lắng nghe  - Bày tỏ lòng hiếu thảo bằng những việc làm thiết thực  - Sưu tầm các câu chuyện về lòng hiếu thảo | Bài tập 1:  - GV chiếu nội dung bài tập 1, gọi HS đọc và nêu yêu cầu.  *Cách ứng xử của các bạn trong những tình huống dưới đây là đúng hay sai? Vì sao?*  *a) Mẹ mệt, bố đi làm mãi chưa về. Sinh vùng vằng, bực bội vì chẳng có ai đưa Sinh đến nhà bạn dự sinh nhật.*  *b) Hôm nào đi làm về, mẹ cũng thấy Loan đãchuẩn bị sẵn chậu nước, khăn mặt để mẹ rửa cho mát. Loan còn nhanh nhảu giúp mẹ mang túi vào nhà.*  *c) Bố Hoàng vừa đi làm về, rất mệt. Hoàng chạy ra tận cửa đón và hỏi ngay: “Bố có nhớ mua truyện tranh cho con không?”*  *d)Ông nội của Hoài rất thích chơi cây cảnh. Hoài đến nhà bạn mượn sách, thấy ngoài vườn nhà bạn có khóm hoa lạ, liền xin bạn một nhánh mang về cho ông trồng.*  *đ) Sau giờ học nhóm, Nhâm và bạn Minh đang đùa với nhau. Chợt thấy bà ngoại ho ở phòng bên, Nhâm vội chạy sang vuốt ngực cho bà.*  - GV trình chiếu từng trường hợp cho HS giơ thẻ  - Gọi HS nhắc lại những cách ứng xử đúng.  \*GV hỏi thêm:  *+ Trong những việc làm đó, em có thể làm được những việc làm nào?*  *+ Em đã làm được những việc nào?*  *+ Theo em, thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  - Nhận xét, chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  *+ Ở nhà, chúng ta có thể giúp ông bà, cha mẹ những việc gì?*  *+ Bản thân em đã làm được những việc gì thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Vì sao việc chăm chỉ học tập và rèn luyện là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Chúng ta không nên làm gì với cha mẹ, ông bà?*  *+ Hãy kể một số việc em làm chưa thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Giải thích vì sao chưa tốt và cách sửa lỗi.*  ***- GV : Chúng ta bày tỏ sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng những việc làm, hành động cụ thể vừa sức mình.***  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

**3. Thái độ**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm các truyện có nội dung nói về một người có nghị lực.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS kể chuyện  *+ Ý chí và nghị lực vươn lên chiến thắng số phận* | **1. Khởi động***:(5p)*  - Yêu cầu HS tiếp nối nhau kể từng đoạn truyện(M1+M2) hoặc kể toàn chuyện(M3+M4) Bàn chân kì diệu  *+ Em học được điều gì ở Nguyễn Ngọc Kí?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(8p)*  **\* Mục tiêu:** Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS đọc đề.  - HS phân tích đề bài, dùng phấn màu gạch các từ: *được nghe, được đọc, có nghị lực.*  - 4 HS nối tiếp nhau đọc từng gợi ý.  - Lần lượt HS giới thiệu truyện.  *+ Bác Hồ trong truyện Hai bàn tay.*  *+ Bạch Thái Bưởi trong câu chuyện vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi.*  *Lê Duy Ứng trong truyện Người chiến sĩ giàu nghị lực.*  *+ Đặng Văn Ngữ trong truyện Người trí thức yêu nước.*  *Ngu Công trong truyện Ngu Công dời núi.*  *+ Nguyễn Ngọc Kí trong truyện Bàn chân kì diệu.*  (Những người bị khuyết tật mà em đã biết qua ti vi, đài, báo… vẫn đỗ đại học và trở thành những người lao động giỏi…)  - Lần lượt HS giới thiệu về nhân vật mà mình định kể.  + Tôi xin kể câu chuyện Bô- bin- xơn ở đảo hoang mà tôi đã được đọc trong truyện trinh thám.  + Tôi xin kể câu chuyện về anh Sơn người bị tàn tật mà vẫn học 2 trường đại học. Tấm gương về anh tôi đã được xem trong chương trình Người đương thời.  + Tôi xin kể chuyện về nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Kí | **\* Hướng dẫn HS kể chuyện:**  *Đề bài: Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có nghị lực.*  - Gọi HS đọc gợi ý.  - Gọi HS giới thiệu những chuyện em đã được đọc, được nghe về người có nghị lực và nhận xét, tránh HS lạc đề về người có ước mơ đẹp. Khuyến khích HS kể chuyện ngoài SGK |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần giới thiệu tên truyện, tên nhân vật mình định kể.  + Kể những chi tiết làm nổi rõ ý nghĩa, nghị lực của nhân vật.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  + Ý nghĩa câu chuyện:  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT** **THƯA** (T3)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* HS năng khiếu: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải trắng hoặc màu, kích 20 x30cm.

+ Len (hoặc sợi), khác với màu vải.

+ Kim khâu len, kéo cắt vải, thước, bút chì. .

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS nêu | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - Nêu qui trình thực hiện khâu viền đường gấp mép vải?  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - HS nêu  *+ Bước 1: Gấp mép vải.*  *+ Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .*  - HS thực hành .  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Nhóm trưởng điều hành cách đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chí đã nêu  - Chọn sản phẩm trưng bày trên lớp  - Thực hành khâu tại nhà  - Tạo sản phẩm từ bài học | **HĐ3: HS thực hành khâu viền đường gấp mép vải**  - GV gọi HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - Nêu cách khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .    - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm một số điểm lưu ý đã nêu ở tiết 1.  - GV tổ chức cho HS thực hành và nêu thời gian hoàn thành sản phẩm.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS**.  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Gấp được mép vải. Đường gấp mép vải tương đối thẳng, phẳng, đúng kỹ thuật.  + Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.  + Mũi khâu tương đối đều, thẳng, không bị dúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.    - GV nhận xét và đánh giá chung  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VẼ TRỨNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Nhờ khổ công rèn luyện, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một hoạ sĩ thiên tài (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 121SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| -1 HS đọc  *+ Ông làm thư kí, sau đó buôn gỗ, buôn ngô, . . .*  - HS nêu ý nghĩa bài học. | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+* 1 em đọc bài:***“***Vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi”  *+ Trước khi mở công ty Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+Nêu ý nghĩa bài học.*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn  + Đoạn 1: *Ngay từ nhỏ… đến vẽ được như ý.*  *+* Đoạn 2*: Phần còn lại.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Lê-ô-nác-đô đa, Vê-rô-ki-ô, dạy dỗ, nhiều lần, tỏ vẻ chán ngán, vẽ đi vẽ lại,...,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng kể từ tốn. Lời thầy giáo đọc với giọng khuyên bảo nhẹ nhàng. Đoạn cuối bài đọc với giọng cảm hứng, ca ngợi.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |  |
| - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là rất thích vẽ.*  *+ Vì suốt mấy ngày cậu chỉ vẽ trứng, vẽ hết quả này đến quả khác.*  *+ Thầy cho học trò vẽ trứng để biết cách quan sát mọi sự vật một cách cụ thể tỉ mỉ, miêu tả nó trên giấy vẽ chính xác.*  **Đoạn 1: *Lê- ô- nác- đô khổ công vẽ trứng theo lời khuyên chân thành của thầy.***  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành danh hoạkiệt xuất, tác phẩm của ông được trưng bày trân trọng ở nhiều bảo tàng lớn, là niềm tự hào của toàn nhân loại. Ông đồng thời là còn là nhà điêu khắc, kiến trúc sư, kĩ sư, nhà bác học lớn.*  *+ Do: Ông ham thích vẽ và có tài bẩm sinh.*  *+ Ông có người thầy tài giỏi và tận tình chỉ bảo.*  *+ Ông khổ luyện, miệt mài nhiều năm tập vẽ.*  **Đoạn 2: *Sự thành đạt của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi.***  - 1 HS nhắc lại: Ông thành đạt là nhờ sự khổ công rèn luyện.  - Lắng nghe.  **Nội dung*:* Bài văn ca ngợi sự khổ công rèn luyện của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhờ đó ông đã trở thành danh họa nổi tiếng*.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho từng nhóm  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là gì?*  *+ Vì sao trong những ngày đầu học vẻ, cậu bé cảm thấy chán ngán?*  *+ Thầy Vê- rô- ki- ô cho học trò vẽ trứng để làm gì?*  *+ Nội dung chính của đoạn 1?*  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi thành đạt như thế nào?*  *+ Theo em những nguyên nhân nào khiến cho Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành hoạ sĩ nổi tiếng? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất?*  *+ Nêu nội dung chính cảu đoạn 2?*  ***GV: Những nguyên nhân trên đều tạo nên những thành công của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là sự khổ công luyện tập của ông. Người ta thường nói: Thiên tài được tạo nên bởi 1% năng khiếu bẩm sinh, 99% do công khổ luyện mà mỗi thiên tài đều bắt đầu từ những đứa trẻ. Ngay từ hôm nay, các em hãy cống gắng học giỏi hơn nữa để ngày mai làm việc thật tốt.***  - Hãy nêu nội dung của bài.  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm tên các câu chuyện, các bức tranh nổi tiếng của Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua nhân vật Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi?  - Liên hệ, giáo dục ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 59:* NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b, c), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, vở,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách nhân với số có hai chữ số  **\* Cách tiến hành:**.***Cá nhân- Nhóm – Lớp*** | |
| - HS nhận xét: Phép nhân với số có 2 chữ số  - HS tính:cá nhân-chia sẻ trước lớp  36 x 23 = 36 x (20 + 3)  = 36 x 20 + 36 x 3  = 720 + 108  = 828  *+ Nhân 1 số với 1 tổng*  - HS nêu cách đặt tính  - HS nêu cách viết các tích riêng: Tích riêng thứ 2 viết lùi vào 1 cột so với tích riêng thứ nhất vì lần nhân thứ 2 ta lấy 2 chục nhân với 36.  - HS lấy VD về phép nhân với số có 2 chữ số và thực hiện đặt tính rồi tính (HS M3+M4) | *1. Phép nhân 36 x 23*  - GV viết lên bảng phép tính 36 x 23.  - Yêu cầu vận dụng các KT đã học để tính kết quả  *+ Vận dụng tính chất nào?*  - Hướng dẫn đặt tính và tính như sau:  \* Hướng dẫn đặt tính và tính:  36  x  23  108  72  828  Vậy 36 x 23 = 828  ♣ 108 gọi là tích riêng thứ nhất.  ♣ 72 gọi là tích riêng thứ hai. Tích riêng thứ hai được viết lùi sang bên trái một cột vì nó là 72 chục, nếu viết đầy đủ phải là 720.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Nhân được với số có 2 chữ số. Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  VD:  86  x  53  258  430  4558  Vậy 86 x 53 = 4558  Phần b, c thực hiện tương tự  **Cá nhân-chia sẻ lớp.**  Bài giải  Số trang của 25 quyển vở cùng loại đó là:  48 x 25 = 1200 (trang)  Đáp số: 1200 trang  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  VD: Nếu a= 13 thì 45 x a = 45 x 13 = 585  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 chữ số  BT PTNL: (M3+M4) Một khu đất hình vuông có cạnh dài 16m. Tính chu vi và diện tích khu đất đó. | ***Bài 1a, b, c: (****HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)*  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Thu chữa một số bài, nhận xét, đánh giá vở của HS  - GV chữa bài    **Bài 2 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chốt cách tính giá trị BT có chứa 1 chữ. Củng cố nhân với số có 2 chữ số  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện (mục I và BT1, BT2 mục III).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu viết được đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện theo cách mở rộng (BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :Bảng phụ viết sẵn kết bài Ông trạng thả diều theo hướng mở rộng và không mở rộng.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ MB trực tiếp và MB gián tiếp* | **1. Khởi động:(***5p)*    *+ Nêu các cách MB trong bài văn kể chuyện?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| - 2 HS nối tiếp nhau đọc truyện.  - HS đọc thầm, dùng bút chì gạch chân đoạn kết bài trong truyện.  -> **Kết bài:** Thế rồi vua mở khoa thi. Chú bé thả diều đỗ trạng nguyên. Đó là trạng nguyên trẻ nhất của nước Việt Nam ta.  - 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận để có lời đánh giá hay- Chia sẻ trước lớp  *+ Câu chuyện giúp em hiểu hơn lời dạy của ông cha ta từ ngàn xưa: “có chí thì nên”*  *+ Nguyễn Hiền là một tấm gương sáng về ý chí và nghị lực cho chúng em.*  - HS đọc thành tiếng, HS trao đổi nhóm 2- chia sẻ lớp  *+ Cách viết bài của truyện chỉ có biết kết cục của truyện mà không đưa ra nhiều nhận xét, đánh giá.*  *+ Cách kết bài ở bài tập 3 cho biết kết cục của truyện, còn có lời nhận xét đánh giá làm cho người đọc khắc sâu, ghi nhớ ý nghĩa của truyện.*  - Lắng nghe.  - HS nêu  - 2 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm. | ***Bài 1, 2:***  - Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Ông trạng thả diều. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và tìm đoạn kết truyện.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chốt lại lời giải đúng.  ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm việc trong nhóm.  - Gọi HS phát biểu, GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  ***Bài 4:***  So sánh hai cách kết bài trên.  - Gọi HS đọc yêu cầu. GV treo bảng phụ viết sẵn đoạn kết bài để cho HS so sánh.  - Gọi HS phát biểu.  \****Kết luận:***  ***+ Cách viết của bài thứ nhất chỉ có biết kết cục của câu chuyện không có bình luận thêm là cách viết bài không mở rộng.***  ***+ Cách viết bài thứ hai đoạn kết trở thành một đoạn thuộc thân bài. Sau khi cho biết kết cục, có lời đánh giá nhận xét, bình luận thêm về câu chuyện là cách kết bài mở rộng.***  *+Thế nào là kết bài mở rộng, không mở rộng?*  ***c. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ trong SGK. |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được các cách kết bài đã học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - 5 HS tiếp nối nhau đọc từng cách mở bài.  - HS trao đổi, trả lời câu hỏi theo nhóm 4.  *+ Cách a: là kết bài không mở rộng vì chỉ nêu kết thúc câu chuyện Thỏ và rùa.*  *+ Cách b/ c/ d/ e/ là cách kết bài mở rộng vì đưa ra thêm những lời bình luận nhận xét chung quanh kết cục của truyện.*  - Lắng nghe.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, dùng bút chì đánh dấu kết bài của từng truyện.  **Đáp án:** *Kết bài của hai bài “Một người chính trực, Nỗi dằn vặt của An – đrây – ca” là hai kết bài không mở rộng.*  **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - Tự làm bài vào vở.  - Đọc bài, sửa lỗi (nếu có).VD:  \* Câu chuyện giúp chúng ta hiểu: Người chính trực làm gì cũng theo lẽ phải, luôn đặt việc công, đặt lợi ích của đất nước lên trên tình riêng.  \* An – đrây – ca tự dằn vặt, tự cho mình có lỗi vì em rất thương ông. Em đã trung thực, nghiệm khắc với lỗi lầm của bản thân.  - Ghi nhớ 2 cách KB và vận dụng khi làm bài  - Tìm một số câu chuyện đã học trong sách giáo khoa có kiểu kết bài không mở rộng và viết lại theo kiểu KBMR | ***Bài 1:*** Sau đây là một số. . .  ***-*** Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.  *+ Đó là những kết bài theo cách nào? Vì sao em biết?*  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chung; kết luận về lời giải đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận diện được kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng.  ***Bài 2:*** Tìm phần kết của câu chuyện sau. . .  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.    ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Gọi HS đọc bài. GV sữa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  \* HS M3+M4 nhận diện được các cách kết bài, viết được kết bài theo 2 cách đó.  ***4.* HĐ ứng dụng***(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:

+Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.

+ Nước được sử dụng trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được tầm quan trọng của nước và vai trò của nước.

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***TKNL:*** *HS biết được nước cần cho sự sống của con người, động vật, thực vật như thế nào, từ đó hình thành ý thức tiết kiệm nước.*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + HS chuẩn bị cây trồng từ tiết 22.

+ Các hình minh hoạ SGK trang 50, 51 (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên trang 49 / SGK.

- HS: Chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  - 2- 3 HS lên bảng | **1. Khởi động** (5p)  *+ Hãy vẽ và trình bày vòng tuần hoàn của nước.*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - HS nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận theo nhóm. (nghiên cứu tư liệu và đọc mục Bạn cần biết).  - Đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp.  *+ Thiếu nước con người sẽ không sống nổi. Con người sẽ chết vì khát. Cơ thể con người sẽ không hấp thụ được các chất dinh dưỡng hòa tan lấy từ thức ăn.*  *+ Nếu thiếu nước cây cối sẽ bị héo*, *chết, cây không lớn hay nảy mầm được.*  *+ Nếu thiếu nước động vật sẽ chết khát, một số loài sống ở môi trường nước như cá, tôm, cua sẽ bị tiệt chủng.*  - HS đọc.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Uống, nấu cơm, nấu canh.*  *+ Tắm, lau nhà, giặt quần áo.*  *+ Đi bơi, tắm biển.*  *+ Đi vệ sinh.*  *+ Tắm cho súc vật, rửa xe.*  *+ Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non.*  *+ Quay tơ.*  *+ Chạy máy bơm, ô tô.*  *+ Chế biến hoa quả, cá hộp, thịt hộp, bánh kẹo.*  *+ Sản xuất xi măng, gạch men.*  *+ Tạo ra điện.*  *+ Con người cần nước để sinh hoạt, vui chơi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.*  **HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp**  - Báo cáo kết quả. Nhận xét, bổ sung.  **Nhóm 1: *Vai trò của nước trong sinh hoạt***  Uống, nấu cơm, nấu canh.  Tắm, lau nhà, giặt quần áo.  Đi bơi, đi vệ sinh.  Tắm cho súc vật, rửa xe, …  **Nhóm 2: *Vai trò của nước trong SX nông nghiệp***  Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non, tưới hoa, tưới cây cảnh, ươm cây giống, gieo mạ, …  **Nhóm 3: *Vai trò của nước trong SXCN***  Quay tơ chạy máy bơm nước, chạy ô tô, chế biến hoa quả, làm đá, chế biến thịt hộp, cá hộp, làm bánh kẹo, sản xuất xi măng, gạch men, tạo ra điện,  - HS nêu các biện pháp tiết kiệm nước  - Vẽ tranh tuyên truyền về tiết kiệm nước. | **HĐ1: Tìm hiểu vai trò của nước đối với đời sống của con người ĐV và TV.**  - GV yêu cầu HS nộp tư liệu và tranh ảnh đã sưu tầm.  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + Nhóm 1: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc sống của con người thiếu nước?*  + Nhóm 2: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cối thiếu nước?*  + Nhóm 3: *Nếu không có nước cuộc sống động vật sẽ ra sao?*  \* Kết luận: (mục bạn cần biết)  - Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.  **Hoạt động 2: Vai trò của nước trong một số hoạt động của con người.**  *+ Trong cuộc sống hàng ngày con người còn cần nước vào những việc gì?*  - GV ghi nhanh các ý kiến không trùng lập lên bảng.  *+ Nước cần cho mọi hoạt động của con người. Vậy nhu cầu sử dụng nước của con người chia ra làm 3 loại đó là những loại nào?*  - Yêu cầu HS sắp xếp các dẫn chứng sử dụng nước của con người vào cùng nhóm.  \* Kết luận: .......  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **Liên hệ giáo dục TKNL:** Con người cần nước vào rất nhiều việc. Vậy tất cả chúng ta hãy giữ gìn và bảo vệ nguồn nước ở ngay chính gia đình và địa phương mình. Cũng cần có các biện pháp tiết kiệm nước  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TÍNH TỪ (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất (BT1, mục III); bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được (BT2, BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn 6 câu ở bài tập 1, 2 phần nhận xét.

+ Bảng phụ viết bài tập 1 luyện tập.

+ Bảng nhóm.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Tính từ là từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...VD: xanh, cao, thấp,...*  - HS nối tiếp đặt câu | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Tính từ là gì? Lấy VD về tính từ.*  + Đặt câu có chứa tính từ  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng.  - HS thảo luận cặp đôi để tìm câu trả lời  a/. Tờ giấy màu trắng: Mức độ trắng bình thường.  b/. Tờ giấy màu trăng trắng: mức độ trắng ít.  c/. Tờ giấy màu trắng tinh: mức độ trắng phau.  *+ Ở mức độ trắng trung bình thì dùng tính từ trắng. Ở mức độ ít trắng thì dùng từ láy trăng trắng. Ở mức độ trắng phau thì dùng từ ghép trắng tinh.*  - Lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng.  - 2 HS thảo luân nhóm bàn trao đổi và trả lời  *- Ý nghĩa mức độ được thể hiện bằng cách:*  *+ Thêm từ rất vào trước tính từ trắng= rất trắng.*  *+ Tạo ra phép so sánh bằng cách ghép từ hơn, nhất với tính từ trắng = trắng hơn, trắng nhất.*  *- Có 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.*  *+ Tạo ra từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.*  *+ Thêm các từ: rất, quá, lắm, vào trước hoặc sau tính từ.*  *+ Tạo ra phép so sánh.*  - 2 HS đọc thành tiếng.  - HS M3, M4 lấy VD về cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất. | **a. Nhận xét**  ***Bài 1:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  *+ Em có nhận xét gì về các từ chỉ đặc điểm của tờ giấy?*  ***- GV: Mức độ đặc điểm của tờ giấy được thể hiện bằng cách tạo ra các từ ghép: trắng tinh, hoặc từ láy: trăng trắng từ tính từ trắng đã cho ban đầu.***  ***Bài 2:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời.  *+ Trong các câu dưới đây, ý nghĩa của mức độ được thể hiện bằng những cách nào?*  *+ Có những cách nào thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất, bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  Thứ tự từ cần tìm: *thơm* ***đậm*** và ***ngọt, rất*** *xa*, *thơm* ***lắm,*** *Trong* ***ngà*** *trắng* ***ngọc,*** *trắng* ***ngà ngọc,*** *đẹp* ***hơn*,** *lộng lẫy* ***hơn*** và *tinh khiết* ***hơn***.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4- Chia sẻ lớp  Đ/a: VD về từ "đỏ"  - *Cách1 : (tạo từ ghép, từ láy với tính từ đỏ) đo đỏ, đỏ rực, đỏ hồng, đỏ chót, đỏ chói, đỏ choét, đỏ chon chót, đỏ tím, đỏ sậm, đỏ tía, đỏ thắm, đỏ hon hỏn…*  *- Cách 2 (thêm các từ rất, quá, lắm và trước hoặc sau tính từ đỏ): rất đỏ, đỏ lắm, đỏ quá, quá đỏ, đỏ rực, đỏ vô cùng,*  *- Cách 3: (tạo ra từ ghép so sánh): đỏ hơn, đỏ nhất, đỏ như son, đỏ hơn son, …*  - HS trả lời để củng cố bài học  **Cá nhân –Lớp**  - HS nối tiếp đặt câu, chia sẻ trước lớp  VD:  *+ Mẹ về làm em vui quá!*  *+ Mũi chú hề đỏ chót.*  *+ Bầu trời cao vút.*  *+ Em rất vui mừng khi được cô giáo khen.*  - Ghi nhớ các cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất và vận dụng khi viết văn.  - Tìm từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: trắng, đen. | ***Bài 1:*** Tìm những từ biểu thị mức độ. . .  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Cho HS hiểu thêm về vẻ đẹp của hoa cà phê để giáo dục tình yêu với các loài cây, tình yêu quê hương, đất nước  ***Bài 2:*** Hãy tìm những từ. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Có những cách nào để thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***Bài 3:*** Đặt câu với mỗi từ ngữ em. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS tự đặt câu sau đó đọc trước lớp.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  \* Hs M3+M4 đặt câu với tính từ vừa tìm được có sử dụng các biệ pháp so sánh, nhân hóa.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 60:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng nhân với số có 2 chữ số để giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  17 428 2057  x  x  x  53 39 23  51 3852 6171  85 1284 4114  901 16692 47311  **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đ/a:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | m | 3 | 30 | | m x 78 | **234** | **2340** |   **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm bài cá nhân- Chia sẻ lớp  Bài giải  24 giờ có số phút là:  60 x 24 = 1440 (phút)  Số lần tim người đó đập trong 24 giờ là:  75 x 1440 = 108 000 (lần)  Đáp số: 108 000 lần  - HS làm vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  ***Bài 4:*** Bài giải  Cửa hàng thu được số tiền là:  5200x13 + 5500x18 = 166 600 (đồng)  Đáp số: 166 600 đồng  ***Bài 5:***  Bài giải  Số học sinh của 12 lớp là:  30 x 12 = 360 (học sinh)  Số học sinh của 6 lớp là:  35 x 6 = 210 (học sinh)  Tổng số học sinh của trường là:  360 + 210 = 570 (học sinh)  Đáp số: 570 học sinh  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 c/s  - Suy nghĩ tìm cách giải ngắn gọn với các bài tập 3,4,5 | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  ***Bài 2 cột 1, 2:*** (HSNK hoàn thành cả bài)  - Treo bảng phụ  - Gọi HS nêu nội dung từng dòng, từng cột trong bảng.  - Nhận xét, chốt đáp án, nêu cách tính giá trị của BT có chứa chữ.  ***Bài 3***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS trong vở  **Bài 4+ Bài 5** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**KỂ CHUYỆN (Kiểm tra viết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện (mở bài, diễn biến, kết thúc).

**2. Kĩ năng**

- Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ (khoảng 12 câu).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: chuẩn bị bảng lớp viết dàn bài vắn tắt của bài văn kể chuyện.

- HS: Vở BT, SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** - Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện  - Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ  **\* Cách tiến hành:**  **Đề bài:** Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu. | |
| -HS đọc đề.  **Đề bài**: Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu.  - HS nêu: Cấu tạo 3 phần (Mở đầu, diễn biến, kết thúc)  + 2 cách MB: Trực tiếp và gián tiếp  + 2 cách KB: Mở rộng và không mở rộng  - HS đọc lại dàn ý  - HS làm bài.  - HS nộp bài.  - Nêu lại cấu tạo bài văn kể chuyện  - Suy nghĩ về các tính tiết sáng tạo trong câu chuyện để chuẩn bị cho tiết trả bài | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.  - GV gạch chân dưới các từ quan trọng.  - Gọi HS nêu lại cấu tạo 3 phần bài văn kể chuyện, các cách mở bài, các cách kết bài.  - GV đưa bảng phụ có dàn ý  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Theo dõi và nhắc nhở.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Hs M3+M4 viết bài văn giàu hình ảnh, sử dụng tốt các biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh.  - Thu, nhận xét chung về tinh thần làm bài  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**ĐỒng BẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:

+ Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên; đây là đồng bằng lớn thứ hai nước ta.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông ngòi, có hệ thống đê ngăn lũ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.

- Chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ): sông Hồng, sông Thái Bình.

\* HS năng khiếu: Dựa vào ảnh trong SGK, mô tả đồng bằng Bắc Bộ: đồng bằng bằng phẳng với nhiều mảnh ruộng, sông uốn khúc, có đê và mương dẫn nước.

**3. Thái độ**

- HS nêu tác dụng của hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

***\* BVMT:***

***-*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng*

*+Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu*

*+Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB*

*+Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB*

*+Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch*

*+Trồng phi lao để ngăn gió*

*+Trồng lúa, trồng trái cây*

*+Đánh bắt nuôi trồng thủy sản*

*- Một số đặt điểm chính của môi trường và TNTN và khai thác TNTN ở đồng bằng (đất phù sa màu mỡ ở ĐBBB và ĐBNB; môi trường tự nhiên của ĐBDHMT: nắng nóng, bão lụt gây ra nhiều khó khăn với đời sống và HĐSX)*

***\*TKNL:*** *Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + - Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Tranh, ảnh về đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, đê ven sông (sưu tầm)

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điêu hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1.Khởi động:***(5p)*    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:  - Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2-Lớp**  - HS tìm vị trí đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển*  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Sông Hồng và sông Thái Bình.*  *+ Diện tích lớn thứ hai. (rộng khoảng 15000 km2)*  *+ Địa hình khá bằng phẳng và mở rộng ra biển.*  - HS quan sát hình 2.  **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS quan sát và lên chỉ vào bản đồ.  *+ Vì có nhiều phù sa nên quanh năm sông có màu đỏ*.  - HS lắng nghe.  - Quan sát, lắng nghe  *+ Dâng cao thường gây ngập lụt ở đồng bằng.*  *+ Mùa hạ.*  *+ Nước các sông dâng cao gây lũ lụt.*  - Lắng nghe, liên hệ  **Nhóm 2- Lớp**  *+ Ngăn lũ lụt.*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng sông Hồng ngày càng được đắp cao hơn,*  *+ Tưới tiêu cho đồng ruộng*.  - HS đọc bài học.  +Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu  +Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB  +Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB  +Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch  +Trồng phi lao để ngăn gió  +Trồng lúa, trồng trái cây  +Đánh bắt nuôi trồng thủy sản  - Sưu tầm, trưng bày tranh ảnh về đồng bằng BB | ***Hoạt động1*. Đồng bằng lớn ở miền Bắc:**  - GV treo bản đồ Địa lí tự nhiên lên bảng và chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ.  + *Đồng bằng BB có dạng hình gì?*  - GV cho HS dựa vào ảnh đồng bằng Bắc Bộ, kênh chữ trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Đồng bằng Bắc Bộ do sông nào bồi đắp nên?*  *+ Đồng bằng có diện tích lớn thứ mấy trong các đồng bằng của nước ta?*  *+ Địa hình (bề mặt) của đồng bằng có đặc điểm gì?*  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 2 để nhận biết đồng bằng có địa hình thấp, bằng phảng, sông chảy ở giữa đồng bằng thường uốn lượn quanh co. Những nới có màu sẫm hơn là làng mạc của người dân.  **Hoạt động 2: Sông ngòi và hệ thống đê ngăn lũ:**  - GV yêu cầu HS (quan sát hình 1…), sau đó lên bảng chỉ trên bản đồ sông Hồng và sông Thái Bình.  - GV cho HS liên hệ thực tiễn theo gợi ý: *Tại sao sông có tên gọi là sông Hồng?*  - ***GV chỉ trên bản đồ Việt Nam sông Hồng và sông Thái Bình, đồng thời mô tả sơ lược về sông Hồng: Đây là con sông lớn nhất ở miền Bắc, bắt nguồn từ Trung Quốc, đoạn sông chảy qua đồng bằng Bắc Bộ chia thành nhiều nhánh đổ ra biển bằng nhiều cửa, có nhánh đổ ra sông Thái Bình như sông Đuống, sông Luộc: vì có nhiều phù sa nên sông quanh năm có màu đỏ, do đó sông có tên là sông Hồng. Sông Thái Bình do ba sông: sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam hợp thành. Đoạn cuối sông cũng chia thành nhiều nhánh và đổ ra biển bằng nhiều cửa.***  *+ Khi mưa nhiều, nước sông, ngòi, hồ, ao như thế nào?*  *+ Mùa mưa ở đồng bằng Bắc Bộ trùng với mùa nào trong năm?*  *+ Vào mùa mưa, nước các sông ở đây như thế nào?*  ***- GV nói về hiện tượng lũ lụt ở đồng bằng Bắc Bộ khi chưa có đê, khi đê vỡ (nước các sông lên rất nhanh, cuồn cuộn tràn về làm ngập lụt cả đồng ruộng, cuốn trôi nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của người dân …)***  **Hoạt động 3: Nhóm:**  - Cho HS dựa vào kênh chữ trong SGK và vốn hiểu biết của mình để thảo luận theo gợi ý:  *+ Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ đắp đê ven sông để làm gì?*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Ngoài việc đắp đê, người dân còn làm gì để sử dụng nước các sông cho sản xuất?*  - GV nói thêm về tác dụng của hệ thống đê, ảnh hưởng của hệ thống đê đối với việc bồi đắp đồng bằng. Sự cần thiết phải bảo vệ đê ven sông ở đồng bằng Bắc Bộ.  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - GV yêu cầu HS lên chỉ đồng bằng và mô tả về đồng bằng sông Hồng, về sông ngòi và hệ thống đê ven sông hoặc nối các mũi tên vào sơ đồ nói về quan hệ giữa khí hậu, sông ngòi và hoạt động cải tạo tự nhiên của người dân đồng bằng Bắc Bộ  ***Vídụ***: Mùa hạ mưa nhiều 🡪 nước sông dâng lên nhanh🡪 gây lũ lụt 🡪 đắp đê ngăn lũ.  GD BVMT & TKNL: Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá. Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 12**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 12

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 13

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***